

Bản án số: 38/2018/HSST

Ngày: 11/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Trọng Ngoan**.

2. Bà **Nguyễn Thị Xuân Loan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Hiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Quốc Danh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/HSST-QĐ ngày 27/3/2018, đối với các bị cáo:

1/. Trần Hồng S, sinh năm 1994 tại Long Xuyên, tỉnh An Giang; ĐKKHKT: Số 732/10B, khóm Đông Phú, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Học lực: 4/12; Cha: Lê Hồng Thái, (chết); Mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1972; Có 3 anh em, bị cáo thứ hai; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không;

- Tiền án: Ngày 17/12/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 21/12/2016 chấp hành xong hình phạt tù.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2017 cho đến nay.

2/. Lê Hồng O, tên gọi khác: **Oai Thái L**; sinh năm: 1992 tại Long Xuyên, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký HKTT: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Nghề nghiệp: Làm thuê; Học lực: 5/12; Cha: Lê Hồng T, (chết); Mẹ: Trần Thị T, sinh

năm 1972; Có 3 anh em, bị cáo thứ nhất; Sống chung như vợ chồng với Trần Thị Cẩm D, sinh năm 1996; Có 2 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014;

- Tiền sự: Ngày 25/11/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, đến ngày 18/11/2016 chấp hành xong quyết định.

- Tiền án: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2017 cho đến nay.

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1986; địa chỉ: Nhà trọ N, khóm Đ 2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2/. Bà Phạm Thị Bạch Y, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 9, khóm Đ2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3/. Bà Phạm Kim C, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 4, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Trần Thị Cẩm D, sinh năm 1996; địa chỉ: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2/. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang.

3/. Bà Trần Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

4/. Ông Đào Văn Phi H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

5/. Ông Phạm Đức V, sinh năm 1983; địa chỉ: khóm Đ, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Trần Hồng S và Lê Hồng O là anh em ruột, cùng nghiện chất ma túy. Để có tiền sử dụng ma túy, từ ngày 11/8/2017 đến ngày 16/9/2017 S và O đã 03 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 11/8/2017, O điều khiển xe mô tô biển số 67B1-416.79 chở S đến khóm Đ, phường M, thành phố L thì S thấy chị Nguyễn Thị Mỹ D ngồi uống nước trong quán cà phê T, trên bàn để chiếc túi xách nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý đồ, S nói với O “hỏa quá” dừng xe lại. O hiểu ý của S nên dừng xe cách quán cà phê T khoảng 5m nổ máy

chờ chờ S tẩu thoát. S xuống xe vào quán giặt chiếc túi xách của chị D chạy ra lên xe của O tẩu thoát. Chị D truy hô đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, S mở túi xách kiểm tra bên trong có: 01 thẻ ATM (trong tài khoản có 5.000.000 đồng), 01 điện thoại Nokia, 01 điện thoại Samsung và khoảng 360.000 đồng. S ném bỏ chiếc túi xách, thẻ ATM, còn 02 điện thoại S khai dối cho người không rõ họ, tên, địa chỉ lấy 01 gói ma túy đá cùng O sử dụng, riêng số tiền trên S tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 21/8/2017, Công an phường Đ kiểm tra hành chính tạm giữ xe mô tô 67B1-416.79 do S điều khiển do không có giấy chứng nhận đăng đăng ký xe mô tô.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 11/9/2017, O điều khiển xe mô tô tay ga biển số 68M6-6846 chở S đến đường Phạm Ngũ L, phường M, thành phố L thì S thấy chị Huỳnh Thị Bạch Y đang điều khiển xe mô tô, trên ghi đồng bên trái có treo 01 túi xách màu nâu nên kêu O áp sát xe chị Y. O giảm tốc độ bám theo chị Y một đoạn rồi áp sát cho S giặt chiếc túi xách rồi tăng ga tẩu thoát. Sau đó, S kiểm tra bên trong có: 120.000 đồng, 01 thẻ ATM (trong tài khoản có 600.000 đồng) và các giấy tờ cá nhân của chị Y. S lấy 120.000 đồng mua ma túy đá của một người không rõ họ, tên, địa chỉ cùng O sử dụng, còn lại S ném bỏ.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 16/9/2017, O điều khiển xe mô tô 68M6-6846 chở S đến cầu C S, phường M, thành phố L thì S thấy chị Phạm Kim C điều khiển xe mô tô cùng chiều, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng 18k nên kêu O bám theo. Chị C khai sợi dây chuyền vàng 18k có trọng lượng 3,5 chỉ. Khi đến cửa hàng xăng dầu ACC2 phường M thì chị C ghé vào đổ xăng. O cũng dừng lại cho S xuống xe giặt sợi dây chuyền của chị C lên xe của O tẩu thoát nhưng chỉ lấy được một đoạn khoảng 10cm, đoạn còn lại rơi tại khu vực cây xăng. Sau đó, S đưa đoạn dây chuyền cho O đem đi tiêu thụ. O nói dối với Trần Thị Cẩm D (chung sống như vợ chồng với O) đoạn dây chuyền do O nhặt được và nhờ D đem bán. Tưởng thật, nên D đem đến tiệm vàng T1, phường M, thành phố L bán cho Đỗ Thị M được 2.000.000 đồng nhưng chỉ đưa cho O 1.600.000 đồng, còn lại D tiêu xài. Số tiền này, O chia cho S 800.000đồng.

Đến ngày 17/9/2017, S và O bị Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố L bắt tạm giam để điều tra và tạm giữ xe mô tô biển số 68M6-6846.

Căn cứ các kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L số 109, 110 cùng ngày 17/9/2017, xác định: 01 dây chuyền vàng 18K, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 02 túi xách có tổng trị giá 8.400.000 đồng.

Qua trình điều tra xác định: Xe Wave màu xanh gắn biển số 67B1-416.79 có số khung VHTDCB013HT001399, số máy VPJL1P39FMB – 2 ★000190★ không bị đục sửa nhưng không tìm thấy dữ liệu tra cứu. Biển số 67B1-416.79 là của xe Wave có số khung LLCHXLB0011000517, số máy

LC150FMG01032489 của Đào Văn Phi H bị mất trộm tại huyện T, tỉnh An Giang vào tháng 03/2016.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã thông báo tìm chủ sở hữu xe mô tô Wave màu xanh có số khung VHTDCB013HT001399, số máy VPJL1P39FMB – 2 ★000190★ nhưng đến nay không có kết quả.

Tại bản cáo trạng số: 03/VKS-HS ngày 11/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang truy tố bị cáo **Trần Hồng S** và **Lê Hồng O** về tội “**Cướp giật tài sản**” theo **điểm d khoản a Điều 171** của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang luận tội:

Bằng việc kiểm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, kết hợp với những tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở chứng minh: Từ ngày 11/8/2017 đến ngày 16/9/2017 Trần Hồng S và Lê Hồng O đã 03 lần thực hiện hành vi cướp giật 02 túi xách, bên trong có: 02 điện thoại, 02 thẻ ATM, 480.000 đồng, các giấy tờ các nhân; và 01 sợi dây chuyền vàng 18k của Nguyễn Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Bạch Y, Phạm Kim C với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.880.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm. Tính nguy hiểm của hành vi được thể hiện ở việc các bị cáo dùng xe mô tô làm phương tiện cướp giật, trong đó có 01 lần điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô của người bị hại Huỳnh Thị Bạch Y khi đang tham gia giao thông. Hành vi này có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại hoặc của người khác, thậm chí cho chính các bị cáo. Đây cũng chính là tình tiết tăng nặng định khung là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định Cáo trạng số 03 ngày 11/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố các bị cáo mà chúng tôi vừa công bố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Hồng S là người chủ động rủ rê bị cáo O và là người trực tiếp, 03 lần, giật tài sản của những người bị hại nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò chủ mưu, thực hành. Hơn nữa S đã từng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện, tuy đã được xóa tiền sự nhưng nay lại tiếp tục tái nghiện, thể hiện bị cáo là người không có quyết tâm phục thiện. Do đó, cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tiền án tiền sự, trong quá trình truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo O, đã lập gia đình, có 02 con nhỏ, lại là anh ruột của bị cáo S, lẽ ra phải chăm chỉ lao động, hết sức chăm sóc gia đình, làm gương sáng, dạy bảo em mình. Thế nhưng khi bị cáo S rủ rê bị cáo cùng phạm tội, bị cáo không những không can ngăn, không từ chối mà còn trực tiếp tích cực, 02 lần điều khiển xe mô tô giúp S thực hành tội phạm và 01 lần điều khiển xe áp sát bị hại để S ngồi sau cướp giật tài sản của bị hại. Ngoài ra bị cáo có nhân thân không tốt, đã nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và “Gây rối trật tự công cộng”. Đến thời điểm phạm tội vẫn còn một tiền sự “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm, giúp sức, thực hành. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Về vật chứng, đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Hayate màu xám biển số 68M6-6846 tuy là phương tiện phạm tội, nhưng là tài sản của bà Trần Thị T và T không biết S, O sử dụng xe trên để phạm tội nên đề nghị trả lại tài sản cho T.

Đối với biển số 67B1-416.79 là của Đào Văn Phi H bị chiếm hữu trái phép nay đã được cấp lại nên không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe Wave màu xanh có số khung VHTDCB013HT001399, số máy VPJL1P39FMB – 2 ★000190★ là công cụ phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đã thông báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không có kết quả nên đề nghị tịch thu sung quỹ.

Đối với 01 áo khoác màu trắng đen xám của Trần Hồng S, không phải là công cụ phương tiện phạm tội, không phải là vật chứng của vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 áo sơ mi tay dài màu trắng, 01 quần jean dài màu xanh dương của Lê Hồng O không phải là công cụ phương tiện phạm tội, không phải là vật chứng của vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Bạch Y không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét đến.

Bị hại Phạm Kim C yêu cầu bồi thường 3.500.000 đồng và các bị cáo đồng ý bồi thường; Bà Trần Thị T tự nguyện thay các bị cáo bồi thường số tiền này và được bà Phạm Kim C đồng ý. Xét thấy thỏa thuận của các bên không trái pháp luật nên đề nghị xem xét chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố L:

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo Trần Hồng S từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Hồng O từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106; Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015:

Công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị T và bà Phạm Kim C; bà T bồi thường cho Phạm Kim C 3.500.000 đồng

Tịch thu sung quỹ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh có số khung VHTDCB013HT001399, số máy VPJL1P39FMB – 2 ★000190★

Trả cho Trần Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Hayate biển số 68M6-6846; trả lại cho Đào Văn Phi H 01 biển số 67B1-416.79; trả lại cho bị cáo Trần Hồng S 01 áo khoác màu trắng đen xám; trả lại cho bị cáo Lê Hồng O 01 áo sơ mi tay dài màu trắng, 01 quần jean dài màu xanh dương.

- Bị cáo Trần Hồng S và Lê Hồng O khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo nói lời nói sau cùng và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại bà Phạm Kim C yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 3.500.000 đồng và đồng ý để bà Trần Thị T thay các bị cáo bồi thường cho bà số tiền này.

Bà Trần Thị T là mẹ của hai bị cáo tự nguyện thay hai bị cáo bồi thường cho bà Phạm Kim C 3.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Phạm Thị Bạch Y, bà Đỗ Thị M, ông Đào Văn Phi H và ông Phạm Đức V đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử và hoãn phiên tòa nhưng các đương sự vắng mặt; tuy nhiên, các đương sự có lời khai tại hồ sơ vụ án và không yêu cầu gì đối với các bị cáo nên việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; do đó, Tòa án không hoãn phiên tòa hôm nay theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Hồng S và Lê Hồng O tại thời điểm chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Bạch Yến, Phạm Kim C đều trên 16 tuổi; theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như Bộ luật hình

sự năm 2015 thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm đã thực hiện theo luật quy định.

Bị cáo Trần Hồng S và bị cáo Lê Hồng O khai nhận ngày 11/8/2017, bị cáo O chở bị cáo S bằng xe mô tô biển số 67B1-416.79 và S đã giật 01 túi xách của chị Nguyễn Thị Mỹ D để trên bàn trong quán cà phê T và lên xe bỏ chạy. Ngày 11/9/2017, bị cáo O chở bị cáo S xe mô tô biển số 68M6-6846 và S đã giật chiếc túi xách của chị Huỳnh Thị Bạch Y khi O áp xe sát vào xe chị Y đang điều khiển. Và ngày 16/9/2017, S đã giật dây chuyền của chị Phạm Kim C rồi lên xe chạy thoát.

Lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, các bị cáo lại sử dụng xe mô tô áp sát vào xe của người bị hại đang lưu thông trên đường và giật lấy túi xách của người bị hại là hành vi nguy hiểm vì dễ dẫn đến tai nạn, gây tổn hại đến sức khỏe hoặc tính mạng của người bị hại và những người khác cùng đang lưu thông trên đường.

Luật quy định người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Và phạm tội thuộc một trong các trường hợp như dùng thủ đoạn nguy hiểm..., thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

Như vậy, đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Hồng S, Lê Hồng O đã phạm tội “Cướp tài sản”.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo Trần Hồng S và Lê Hồng O về tội “Cướp tài sản” theo **điểm d khoản a Điều 171** của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ:

Bị cáo Trần Hồng S và Lê Hồng O là những người đã trưởng thành, nhận thức và điều khiển được hành vi của mình; các bị cáo có sức khỏe thể tạo ra của cải chính đáng nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc nên các bị cáo đã cố tình phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, ảnh hưởng đến đời sống bình thường của xã hội.

Bị cáo Trần Hồng S có 01 tiền án; Ngày 17/12/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 21/12/2016 chấp hành xong hình phạt tù nhưng đến ngày 11/8/2017, chưa được 08 tháng nên chưa được xóa án tích, bị cáo lại cố tình tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác; như vậy, bị cáo đã tái phạm; Và bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Hồng O có 01 tiền sự; ngày 25/11/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, đến ngày 18/11/2016 chấp hành xong quyết định; Trước đó, bị cáo cũng đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện và bị Tòa án xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng” đã được xóa án tích. Như vậy, bị cáo O có nhân thân không tốt. Bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì vậy, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội; đồng thời góp phần vào việc phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên, có xem xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần được xem xét khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Hayate màu xám biển số 68M6-6846, là phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội nhưng không phải là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo và đây là tài sản của bà Trần Thị T và bà T không biết S, O sử dụng xe trên để phạm tội.

Đối với biển số 67B1-416.79 là của Đào Văn Phi H bị chiếm hữu trái phép nay đã được cấp lại nên không còn giá trị sử dụng.

Đối với xe Wave màu xanh có số khung VHTDCB013HT001399, số máy VPJL1P39FMB – 2 ★000190★ là công cụ phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đã thông báo tìm chủ sở nhưng đến nay không có kết quả.

Đối với 01 áo khoác màu trắng đen xám của Trần Hồng S, không phải là công cụ phương tiện phạm tội, không phải là vật chứng của vụ án.

Đối với 01 áo sơ mi tay dài màu trắng, 01 quần jean dài màu xanh dương của Lê Hồng O không phải là công cụ phương tiện phạm tội, không phải là vật chứng của vụ án.

Nhận thấy, đề nghị xử lý vật chứng của nên việc Viện Kiểm sát nhân dân là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Bạch Y không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét đến

Bị hại Phạm Kim C yêu cầu bồi thường 3.500.000 đồng và các bị cáo đồng ý bồi thường. Bà Trần Thị T tự nguyện thay các bị cáo bồi thường được bà Phạm Kim C đồng ý sự tự nguyện của bà T. Xét thấy thỏa thuận của các bên

không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Bà Trần Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phạm Kim C 3.500.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của luật.

Riêng đối với bà Trần Thị T. Thấy việc bồi thường thiệt hại là nghĩa vụ của các bị cáo nhưng bà T đã tự nguyện bồi thường thay nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Tuyên bố:** Bị cáo **Trần Hồng S** và **Lê Hồng O** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Hồng S 05 (năm)** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2017.

- **Căn cứ:** Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS năm 2015

Xử phạt: Bị cáo **Lê Hồng O 04 (bốn)** năm tù.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106; Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015:

Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2017.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106; Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015:

[2] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: Điều 47; 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Trả lại cho bà Trần Thị T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Hayate màu xám biển số 68M6-6846. Đối với biển số 67B1-416.79 là của Đào Văn Phi H bị chiếm hữu trái phép nay không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ 01 (một) xe Wave màu xanh có số khung VHTDCB013HT001399, số máy VPJL1P39FMB – 2 ★000190★.

Trả lại cho bị cáo Trần Hồng S 01 (một) áo khoác màu trắng đen xám.

Trả lại cho bị cáo Lê Hồng O 01 (một) áo sơ mi tay dài màu trắng, 01 (một) quần jean dài màu xanh dương.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ: 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Bà Trần Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phạm Kim C 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

[4] Về án phí:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPL;
- Công an TPL;
- THA DS TPL;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./

Võ Văn Vũ